# ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH SƠN LA

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ DỊCH VỤ - QUẢNG CÁO NĂM 2016

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 223/QĐ-PTTH ngày 28/12/2015 của Đài PTTH Sơn La)*

### I. TRÊN SÓNG TRUYỀN HÌNH:

### 1. Sản phẩm hàng hoá:

| TT | Thời gian phát sóng | Giờ phát sóng | Thời điểm phát sóng | Đơn giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 10" | 15" | 20" | 30" |
| 1 | **Buổi sáng (7h-11h)** | 7h00-8h00 | Sau thời sự địa phương | 1.000.000 | 1.200.000 | 1.300.000 | 1.500.000 |
| | | 8h00-10h15 | Trước, sau CM, chuyên đề và các chương trình khác | 800.000 | 1.000.000 | 1.100.000 | 1.200.000 |
| | | 10h15-11h00 | Trước, giữa phim truyện | 1.200.000 | 1.300.000 | 1.800.000 | 2.000.000 |
| | | 11h00-12h00 | Trước, sau CM, chuyên đề và các chương trình khác | 1.000.000 | 1.200.000 | 1.300.000 | 1.500.000 |
| 2 | **Buổi trưa (11h-14h)** | 11h00-12h00 | Sau thời sự địa phương | 1.000.000 | 1.200.000 | 1.500.000 | 1.800.000 |
| | | 12h00-12h45 | Trước, giữa phim truyện | 1.300.000 | 1.800.000 | 2.200.000 | 2.500.000 |
| | | 12h45-14h00 | Trước, sau CM, chuyên đề và các chương trình khác | 600.000 | 800.000 | 900.000 | 1.000.000 |
| 3 | **Buổi chiều (14h-18h35)** | 14h00-15h25 | Sau thời sự địa phương | 1.000.000 | 1.200.000 | 1.300.000 | 1.500.000 |
| | | 15h25-18h35 | Trước, giữa phim truyện | 1.200.000 | 1.300.000 | 1.800.000 | 2.000.000 |
| | | 16h10-18h35 | Trước, sau CM, chuyên đề và các chương trình khác | 800.000 | 1.000.000 | 1.100.000 | 1.200.000 |
| 4 | **Buổi tối (18h35-23h15)** | 18h35-19h00 | Trước thời sự VTV | 1.300.000 | 1.800.000 | 2.200.000 | 2.500.000 |
| | | 19h55-20h00 | Sau thời sự VTV | 1.500.000 | 2.000.000 | 2.500.000 | 3.000.000 |
| | | 20h25-21h05 | Sau thời sự STV | 1.300.000 | 1.800.000 | 2.200.000 | 2.500.000 |
| | | 21h05-21h50 | Trước, sau phim truyện | 1.500.000 | 2.000.000 | 2.500.000 | 3.000.000 |
| | | 21h05-21h50 | Giữa phim truyện | 1.800.000 | 2.400.000 | 3.000.000 | 3.500.000 |
| | | 21h50-23h15 | Trước, sau CM, chuyên đề và các chương trình khác | 800.000 | 1.000.000 | 1.100.000 | 1.200.000 |

**1.1. Chạy panel, logo, popup không quá 10”** (áp dụng cho tất cả các thời điểm): 250.000 đồng/ lần

**1.2. Phát PS tự giới thiệu:** TL từ 2 phút đến dưới 10 phút, phát sau các chương trình địa phương:

+ Buổi sáng: 400.000 đồng/ phút
+ Buổi trưa: 600.000 đồng/ phút
+ Buổi chiều: 400.000 đồng/ phút
+ Buổi tối: 800.000 đồng/ phút

**1.3. Phát PS tuyên truyền:** TL từ 2 phút đến dưới 15 phút, phát sau các chương trình địa phương:

+ Buổi sáng: 200.000 đồng/ phút
+ Buổi trưa: 300.000 đồng/ phút
+ Buổi chiều: 200.000 đồng/ phút
+ Buổi tối: 500.000 đồng/ phút

**2. Thông tin, thông báo:**

- Thông tin, thông báo của các tập thể, cá nhân có tính chất kinh doanh: 500.000đ/ 30 giây.
- Thông tin, thông báo của các tập thể, cá nhân không có tính chất KD: 400.000đ/ 30 giây.
- Cảm tạ; tin buồn; rơi giấy tờ: 300.000/ 30 giây.

* Thông báo lời có đúp hình ảnh phát trong chương trình thông báo quảng cáo (+) 150.000đ/hình ảnh/lần.

*** Thông tin miễn phí:**

- Nhắn tìm trẻ lạc dưới 6 tuổi, Thông tin tìm người tàn tật, người già trên 80 tuổi; Thông tin tìm tung tích nạn nhân; Thông tin hoạt động nhân đạo;

- Tin buồn, lời cảm tạ của người mất là Mẹ Việt Nam anh hùng; Cán bộ lão thành cách mạng tiền khởi nghĩa; Thương binh; Cha, mẹ liệt sỹ; Anh hùng lao động; Anh hùng lực lượng vũ trang;

**3. Quay phóng sự, band quảng cáo:**

| | | |
|---|---|---|
| 1 | Xây dựng band quảng cáo sản phẩm (bao gồm 1 lần phát sóng) | 2.000.000/30 giây |
| 2 | Quay phóng sự tuyên truyền cho các ngành, đơn vị (bao gồm 02 lần phát sóng) | 2.500.000/phút |
| 3 | Lồng tiếng band quảng cáo | 250.000/30 giây |

**4. Truyền hình trực tiếp:**

| | | |
|---|---|---|
| 1 | Thời lượng từ 60' - 90' (Bao gồm cả chi phí đường truyền) | 25,000,000 |
| 2 | Thời lượng trên 90' - 120' (Bao gồm cả chi phí đường truyền) | 30,000,000 |
| 3 | Ghi hình chương trình tọa đàm, thời lượng từ 30'-60' (Phát sóng 02 lần) | 15,000,000 |
| 4 | Truyền hình trực tiếp chương trình tọa đàm, thời lượng từ 30'-60' | 20,000,000 |

## II. TRÊN SÓNG PHÁT THANH:

| TT | Hình thức thông báo | Thời lượng | Chương trình | Đơn giá |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phát band Quảng cáo | 30” | Sau chương trình thời sự tiếng Phổ thông | 200.000 |
| 2 | Đọc lời thông báo, QC | 30” | Sau chương trình thời sự tiếng Phổ thông | 150.000 |

## III. QUẢNG CÁO TRÊN WEBSITE:

| TT | Vị trí đăng | Hình thức đăng | Đơn giá/tháng |
|---|---|---|---|
| 1 | Trang chủ | BANER ngang dưới tiêu điểm ( 993x150pixel;≤ 100Kb) | 1.200.000 đ |
| | | BANER bên phải ( 310x112pixel;≤ 50Kb) | 600.000 đ |
| 2 | Trang thông tin quảng cáo | Văn bản tính theo trang A4 | 500.000 đ |
| | | Hình ảnh kèm văn bản tính theo số lượng hình ảnh (tối thiểu 1 tối đa 3 hình ảnh) | 700.000 đ |
| | | Clip tính theo đội dài clip (tối thiểu 15s tối đa 3 phút) | 1.200.000 đ |
| **3** | Link liên kết | Đối với các link liên kết đến website của Đối tác | 200.000 đ |

## IV. ĐIỀU KIỆN KÝ HỢP ĐỒNG VÀ PHÁT SÓNG THÔNG TIN QUẢNG CÁO:

1. Các đơn vị ký hợp đồng quảng cáo với các Đài phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung thông tin, hoạt động kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ được phát sóng phải có đủ các điều kiện theo quy định.

3. Thông báo về các giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản, phải có xác nhận của địa phương (hoặc bản photo các giấy tờ trên + CMTND)

4. Trường hợp khách hàng muốn thay đổi nội dung thông báo, quảng cáo phải báo ngay cho phòng KH-TV trước 10h (*chương trình buổi trưa*) trước 15h (*chương trình buổi chiều, tối và sáng hôm sau*)

5. Những trường hợp không nằm trong quy định này do Giám đốc Đài quyết định, trên cơ sở đề nghị của các phòng chức năng liên quan.

## V. QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ GIẢM GIÁ:

- Thực hiện giảm giá trên các HĐ: Áp dụng đối với khách hàng đăng ký trực tiếp với Đài:

| Giá trị hợp đồng (tính trên DT) | Tỷ lệ giảm giá |
|---|---|
| Từ 10 triệu đến 20 triệu | 6% |
| Trên 20 triệu đến 50 triệu | 10% |
| Trên 50 triệu đến 100 triệu | 14% |
| Trên 100 triệu đến 150 triệu | 18% |
| Trên 150 triệu đến 300 triệu | 20% |
| Trên 300 triệu đến 500 triệu | 23% |
| Trên 500 triệu đến 800 triệu | 26% |
| Trên 800 triệu đến 1 tỷ | 30% |

Từ 1 tỷ đồng trở lên, cứ doanh số tăng 300 triệu đồng, mức giảm giá sẽ tăng thêm 2% (tối đa không quá 38%);

Hợp đồng quảng cáo đối với các công ty truyền thông có mức giảm giá riêng do hai bên thỏa thuận, được Giám đốc quyết định; Đối với các hợp đồng hợp tác, trao đổi, tài trợ tỷ lệ giảm giá sẽ do hai bên thỏa thuận.

## VI. CHẾ ĐỘ KHUYẾN KHÍCH:

Đối với khách hàng ký hợp đồng nguyên tắc 01 năm, có doanh số quảng cáo lớn (từ 500 triệu đồng trở lên), nếu vượt doanh số cam kết trong hợp đồng từ 50 triệu đồng (Năm mươi triệu đồng) trở lên, ngoài phần giảm giá theo quy định sẽ được xem xét thưởng được quy đổi thành sport quảng cáo. Mức thưởng do Giám đốc Đài quyết định.

* Ghi chú: Đối với các nhãn hàng, sản phẩm sản xuất tại địa phương được hưởng giảm giá 50% khi giao dịch trực tiếp với Đài.

* Chế độ giảm giá bổ sung: Khách hàng thanh toán tiền quảng cáo trước; có doanh số từ 50 triệu trở lên sẽ được hưởng mức giảm giá khuyến khích ngoài quy định giảm giá chung là 4% trên tổng giá trị hợp đồng và được quy đổi bằng sport quảng cáo miễn phí.

- Đăng cả quảng cáo trên website và sóng Phát thanh - Truyền hình được giảm 20% áp dụng với tất cả các mục.

## VII. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH:

### 1. Chương trình Truyền hình:

| Thời gian | Nội dung chương trình | Thời gian | Nội dung chương trình |
|---|---|---|---|
| 6:55 | Giới thiệu chương trình | 15:25 | Phim truyện STV |
| 7:00 | Thời sự STV | 16:10 | Chuyên mục, chuyên đề |
| 7:25 | Chuyên mục, chuyên đề | 17:20 | Chương trình thiếu nhi |
| 8:00 | TTQC, giới thiệu phóng sự, CM | 17:50 | Phim truyện STV |
| 8:05 | Phim truyện STV | 18:35 | Trang truyền hình cơ sở |
| 9:00 | Chương trình Văn nghệ | 18:55 | Thông tin quảng cáo |
| 9:30 | Phim tài liệu | 19:00 | Tiếp sóng VTV1 |
| 9:55 | TTQC, giới thiệu PS, CM | 19:55 | Thông tin quảng cáo |
| 10:00 | Chương trình thiếu nhi | 20:00 | Thời sự STV |
| 10:15 | Phim truyện STV | 20:25 | Thông tin quảng cáo |
| 11:00 | Chuyên mục, chuyên đề | 20:30 | Chuyên mục |
| 11:30 | Thời sự STV | 21:05 | Phim truyện STV |
| 11:50 | TTQC, giới thiệu chương trình | 21:50 | CM nhìn ra tỉnh bạn |
| 12:00 | Phim truyện STV | 22:00 | Chương trình văn nghệ |
| 12:45 | Chuyên mục, chuyên đề | 22:30 | Thời sự STV |
| 15:00 | Thời sự STV | 22:55 | Phóng sự, chuyên mục, chuyên đề |
| | | 23:15 | Phim tài liệu |

### 2. Chương trình Phát thanh:

| Thời gian | Nội dung chương trình | Thời gian | Nội dung chương trình |
|---|---|---|---|
| 10h đến 10h30’ | Thời sự và âm nhạc | Từ 13h đến 18h 30’ | Tiếp âm Đài TNVN |
| 10h 30’đến 11h00’ | Ca nhạc tiếng phổ thông | Từ 18h30’đến 19h | Ca nhạc tiếng phổ thông |
| 11h đến 11h30’ | Ca nhạc tiếng Thái | Từ 19h đến 19h30’ | Bản tin tiếng Mông |
| 11h30’ đến 12h | Bản tin tiếng phổ thông | Từ 19h30’ đến 20h | Bản tin tiếng Thái |
| 12h đến 12h30’ | Bản tin tiếng Thái | Từ 20h đến 20h30’ | Bản tin tiếng phổ thông |
| 12h30’ đến 13 h | Bản tin tiếng Mông | Từ 20h30’ đến 21h | Ca nhạc tiếng Thái |

## VIII. CÁC THÔNG TIN VỀ MÁY PHÁT, ĐỘ PHỦ SÓNG.

### 1. Truyền hình:

+ Công suất máy phát 1 KW - kênh 6, địa bàn phủ sóng Thành phố Sơn La.

Đồng thời: - Truyền hình cáp SCTV: thành phố và 5 huyện.

- Mytv: Các tỉnh Miền Bắc
- Next tv: Các tỉnh Miền Bắc và các tỉnh Miền Trung
- FPT: Toàn quốc
- Vệ tinh Vinasat-1: Toàn quốc

### 2. Phát thanh:

+ Phát trên sóng AM 50KW tần số 828 Khz, địa bàn tỉnh Sơn La

+ Phát trên sóng FM tần số 92 Mhz; 96Mhz, địa bàn thành phố Sơn La

Đồng thời: - Trên Vệ tinh Vinasat-1;Trên trang mạng radiovietnam.vn.

### 3. Trang Web:

- Máy chủ tốc độ cao, chế độ hiển thị linh hoạt (multimedia)
- Tốc độ đường truyền cáp quang FTTH
- Tên miền Quốc gia sonlatv.vn